TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2020/DS-PT
Ngày 23 - 12 -2020
V/v: " Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Thanh Tuấn**-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:18/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020; về việc **"Tranh chấp chia di sản thừa kế"**.Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020 /DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

**** Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn N (N)**, sinh năm 1928; Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Hiện trú tại: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Đình Q P - sinh năm 1989, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

**** Bị đơn:***

1. Ông **Nguyễn Phi A**, sinh năm 1953; Nơi ĐKHKTT: thành phố Đà Nẵng.

Hiện trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc Q**, sinh năm 1970 (có mặt) và ông **Nguyễn Quốc S**, sinh năm 1978 (có mặt); Cùng địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Đều có mặt.

2. Ông **Nguyễn Quốc N;** sinh năm 197… Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

3. Ông **Nguyễn Quốc Q;** sinh năm 1970, Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt)

4. Ông **Nguyễn Quốc V;** sinh năm 1975,Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (có mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Hoa Kỳ. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ở tất cả các phiên tòa các cấp)

2. Bà **Lê Thị T** (LE THANG T), sinh năm 1949; Địa chỉ: Hoa Kỳ. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại tất cả các phiên tòa các cấp)

3. Bà **Lê Thị Cẩm T1**, sinh năm 1990; Cháu **Nguyễn Thị Thanh N,** sinh năm 2012 và cháu **Nguyễn Quốc Thiện T**, sinh năm 2015; Cùng địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Thanh N và cháu Nguyễn Quốc Thiện T: Ông Nguyễn Quốc N và bà Lê Thị Cẩm T1. (đều có mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; Cháu **Nguyễn Quốc A K**, sinh năm 2006 và cháu **Nguyễn Quốc Gia H,** sinh năm 2014; Cùng địa chỉ: Số 140 , thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Quốc A K và cháu Nguyễn Quốc Gia H: Ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị H.(đều có mặt)

5. Bà **Lê Thị Thanh D**, sinh năm 1972; Cháu **Nguyễn Lê Quốc H,** sinh năm 2002 và cháu **Nguyễn Lê P A**, sinh năm 2004; Cùng địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Lê Quốc H và cháu Nguyễn Lê P A: Ông Nguyễn Quốc Q (có mặt) và bà Lê Thị Thanh D (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình Q P trình bày:

Cha ông N là Nguyễn Văn T (đã chết khoảng năm 1953) và mẹ ông N là bà Võ Thị S (sinh năm 1910 và chết năm 2012). Cha mẹ ông sinh được hai người con là Nguyễn Văn N (NGUYEN VAN N) và Nguyễn Phi A. Vào khoảng năm 1970, lúc này ông Nguyễn Văn T đã chết, ông N cùng mẹ là bà Võ Thị S đã khai phá mảnh đất với tổng diện tích 600m^2 ở tại số 54 (số cũ) đường T, nay là số 136, 138 và 140 đường T, tổ 20A phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trước khi khai phá, mảnh đất trên là một rừng cây và bờ ấp chiến lược của chế độ cũ (không có nhà hoặc công trình xây dựng trên đất). Sau khi khai phá xong, ông N cùng mẹ có dựng một căn nhà tạm để sinh sống.

Năm 1980, vì hoàn cảnh cuộc sống, ông N cùng vợ là bà Lê Thị T (LE THANG T) sang định cư tại Hoa Kỳ nên đã để cho bà Võ Thị S và con gái ông N là bà Nguyễn Thị H sinh sống trên mảnh đất này. Vài năm sau, ông có gửi tiền về xây dựng căn nhà mới khang trang hơn trên mảnh đất này để mẹ và con gái sinh sống ổn định tại đây. Từ thời gian này trở về sau, mẹ ông là người sử dụng mảnh đất và căn nhà nêu trên.

Từ năm 1995, em trai ông là Nguyễn Phi A cùng các con thường xuyên đến gây gổ, tranh chấp ngôi nhà mà bà H đang ở cùng với bà S. Ủy ban nhân dân phường M đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Khoảng năm 2003, ông Phi A đã đưa cả gia đình về căn nhà này sinh sống. Trong khoảng thời gian này, ông Phi A và các con nhiều lần chửi mắng và đuổi con bà H ra khỏi nhà. Vì búc xúc với cách hành xử trên của ông Phi A, vợ chồng ông N phải mua căn nhà khác tại quận S, thành phố Đà Nẵng để bà H sinh sống cho đến lúc đi Hoa Kỳ vào năm 2015. Cũng trong thời gian này, các con của ông Nguyễn Phi A là ông Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V tự ý xây dựng nhà trên phần đất còn lại mà không có sự đồng ý của bà S là người đang sử dụng đất cũng như ông là người có công khai phá tạo lập, cũng là thừa kế hợp pháp nhà đất nêu trên. Việc xây dựng nhà của ông Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V cũng không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm 2012, bà Võ Thị S chết, ông Nguyễn Phi A và các con Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V, Nguyễn Quốc N tiếp tục sử dụng nhà đất nói trên. Trong đó ông N ở cùng với vợ chồng ông A trong căn nhà cũ, còn ông Q và ông V xây nhà riêng trong khu đất.

Vì muốn nhận lại căn nhà do ông gửi tiền về xây cất và phần đất được hưởng thừa kế từ mẹ ông theo đúng quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn N đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Phi A làm thủ tục kê khai và chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Phi A đều từ chối.

* Về yêu cầu chia thừa kế:

Yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ ông là bà Võ Thị S gồm nhà và đất nêu trên theo pháp luật. Giá trị phần di sản gồm nhà và đất mà tôi được hưởng tạm tính là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng)

Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc Q, ông Nguyễn Quốc V tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để trả lại nguyên trạng mảnh đất của mẹ ông và buộc ông Nguyễn Quốc N phải dọn ra khỏi căn nhà của mẹ ông để lại.

*** Bị đơn ông Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V trình bày:**

Cha mẹ của ông Nguyễn Phi A là ông Nguyễn Văn T chết năm 1953 và bà Võ Thị S chết năm 2012. Hai ông bà có 02 người con là Nguyễn Văn N và Nguyễn Phi A.

Năm 1969, bà S bán ngôi nhà đang ở cho bà Huỳnh Thị L (nay đang định cư tại Hoa Kỳ) với giá 30.000 đồng. Có được số tiền đó bà S và 02 người con lên khu đất mới làm nhà ở (ngôi nhà và thửa đất hiện nay là 136 T, quận S, thành phố Đà Nẵng). Từ năm 1980 đến 1985 vợ chồng ông Nguyễn Văn N lần lượt bỏ gia đình đi nước ngoài để lại con gái là Nguyễn Thị H lúc đó mới 10 tuổi cho bà S nuôi. Trong năm 1985 ông V cũng về sống chung với bà S cho đến khi lập gia đình và làm nhà ở riêng trên thửa đất nói trên. Khi ra nước ngoài ông N nhiều lần gửi thư về báo ông A bàn với mẹ bán căn ngôi nhà để về sinh sống với ông Nguyễn Phi A nhưng ông A không đồng ý. Nguyện vọng của ông A là để lại ngôi nhà đất để sau này có nơi thờ cúng và có đất để con cháu ở. Khi bà H trưởng thành, ông A và cụ S lo cưới hỏi cho bà H, cụ S còn xin gia đình nhà trai gửi rễ vì nhà đơn chiếc.

Sau khi lập gia đình, vợ chồng bà H sống với cụ S. Gia đình nhận thấy vợ chồng bà H sống không có đạo đức, làm nhiều điều gian. Cụ thể vợ chồng bà H lợi dụng lúc ông A đi làm xa, cụ S tuổi già lẩm cẩm nên lập giấy để bà S cho vợ chồng bà H đứng tên nhà. Biết được nội dung trên ông A đã làm đơn tố cáo và cơ quan cấp trên đã thu hồi lại sổ đỏ cấp cho bà H.

Vào năm 1988, cụ S có lập Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Phi A có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M với nội dung khi bà qua đời tất cả tài sản,

nhà cửa, vườn đất, cây ăn quả, cũng như dụng cụ trong nhà giao cho ông A quản lý giữ gìn.

Đến ngày 24/4/2003 cụ S lập văn bản thỏa thuận phân chia đất. Theo nội dung phân chia bà S đã chia phần đất trống thành 02 lô bằng nhau đó là lô A và lô B (có sơ đồ kèm theo) mỗi lô có mặt tiền 6m. Ông N nhận lô A ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị H toàn quyền sử dụng. Ông Nguyễn Phi A nhận lô B ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc Q được toàn quyền sử dụng. Văn bản được lập thành nhiều bản từ năm 2003, ông N biết rõ điều đó nhưng không tranh chấp vì thực tế lúc đó nhà đất chưa có giá trị như bây giờ. Đến năm 2018 khi giá đất tăng cao ông N mới khởi kiện tranh chấp nhà đất.

Đối với ngôi nhà còn lại giao cho ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Phi A tu bổ sữa chữa thờ cúng ông bà, không được mua, bán, đổi, cho. Văn bản thỏa thuận có chữ ký của ông Nguyễn Phi A, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Quốc Q, tổ dân phố là bà Trần Thị Thanh Lưu.

Sau khi phân chia đất cho bà H, ngày 21/5/2003 bà H lập Giấy chuyển nhượng phần đất còn lại cho ông Nguyễn Quốc V với số tiền 143.000.000 đồng. Bà hảo đã nhận 80.000.000 đồng để mua nhà khác để ở. Số tiền còn lại 63.000.000 đồng sẽ thanh toán khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên đến nay bà H và ông V vẫn chưa hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật vì ông Nguyễn Văn N tranh chấp. Phần đất ông Nguyễn Quốc Q được chia ông Q sử dụng làm nhà ở hết 04m mặt tiền, còn lại 02m chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc V. Ông V làm nhà 04m (02m phần đất ông Q chuyển sang và 02m do nhận chuyển nhượng của bà H). Phần còn lại 04m ông V đang sử dụng để trồng cây.

Đối với ngôi nhà vào năm 1990 ông Nguyễn Phi A đã xây dựng lại kiên cố và đang sử dụng để thờ cúng ông bà cha mẹ. Hiện nay ông Nguyễn Quốc N đang sử dụng và thờ cúng ông bà. Ông N xây dựng thêm nhà dưới, công trình phụ, mái hiên để sử dụng.

Đến nay ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà và đất, anh Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V và ông Nguyễn Phi A không đồng ý vì những lý do sau:

- Phần đất đã được cụ Võ Thị S phân chia theo Biên bản lập ngày 24/4/2003. A Nguyễn Quốc Q đã nhận đất theo Biên bản trên và sử dụng từ năm 2003 đến nay. Phần chị H đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Quốc V sử dụng

từ năm 2003 đến nay. Vì vậy phần tài sản trên không còn là di sản của cụ Võ Thị S.

- Đối với ngôi nhà: Theo nguyện vọng của bà Võ Thị S giao lại cho 02 con là ông Nguyễn Văn N và Nguyễn Phi A tu bổ sửa chữa để thờ cúng, không được mua bán đổi cho. Đây là di sản để thờ cúng nên không được phân chia.

Việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Võ Thị S là không có cơ sở.

* **Bị đơn ông Nguyễn Phi A** ngoài nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Q và ông Nguyễn Quốc S tham gia tố tụng thì ông A không trình bày gì thêm.

* **Bị đơn ông Nguyễn Quốc N** không có văn bản trình bày ý kiến.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T (Le Thang T) tại Bản trình bày ý kiến lập ngày 20/6/2018 tại Hoa Kỳ xác định**:

Đồng ý với các nội dung trong đơn khởi kiện do ông Nguyễn Văn N nộp cho Tòa án; không có yêu cầu đối với căn nhà tại số 54 (cũ) đường T ngoài các yêu cầu ông N đã nêu trong đơn khởi kiện. Bà xin vắng mặt các buổi làm việc và xét xử vụ án

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tại Bản trình bày ý kiến lập ngày 18/9/2018 tại Hoa Kỳ xác định:**

Đồng ý với các nội dung trong đơn khởi kiện do ông Nguyễn Văn N nộp cho Tòa án; không có yêu cầu đối với căn nhà tại số 54 (cũ) đường T ngoài các yêu cầu ông N đã nêu trong đơn khởi kiện. Bà xin vắng mặt các buổi làm việc và xét xử vụ án.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa sơ thẩm xác định:**

Đồng ý với các nội dung ông Nguyễn Quốc V trình bày tại phiên tòa. Bà không bổ sung gì thêm.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa đủ 18 tuổi không có ý kiến gồm: Bà **Lê Thị Cẩm T1**, sinh năm 1990; (Mẹ của cháu **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 2012 và cháu **Nguyễn Quốc Thiện T);** Bà **Lê Thị Thanh D**, sinh năm 1972; (Mẹ của cháu **Nguyễn Lê Quốc H**, sinh năm 2002 và cháu **Nguyễn Lê P A**, sinh năm 2004).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:27/2020 /DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

Căn cứ: Điều 638 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 611, 612, 618, 623, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, 165, 166, 227, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N (N) về việc chia thừa kế theo pháp luật:

1. Công nhận một phần nhà 136 T và đất tại 136, 138 và 140 T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế do bà Võ Thị S để lại; Giá trị quyền sử dụng đất toàn bộ khu đất trên là 41.643.3629.700 đồng, giá trị phần nhà do bà S để lại là 67.590.000 đồng. Tổng cộng là 41.711.219.700 đồng.

2. Trích công sức bảo quản di sản cho các ông Nguyễn Phi A, Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Quốc N 15% giá trị di sản tương đương số tiền là 6.256.682.955 đồng.

3. Chia di sản cho ông Nguyễn Văn N (N) và ông Nguyễn Phi A mỗi người được nhận có giá trị là: **(41.711.219.700 – 6.256.682.955) : 2 = 17.727.268.372** đồng.

4. Chia di sản bằng hiện vật như sau:

4.1. Chia cho ông Nguyễn Văn N (N) được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, đất (bao gồm cả phần nhà và mái tôn ông Nguyễn Quốc N làm thêm) tại số 136 T có diện tích đất là 247,4m^2, diện tích nhà 75,1m^2 + 44,5m^2, diện tích mái hiên tôn 55m^2. Có tổng giá trị nhà và đất là 20.297.987.600 đồng.

4.2. Chia cho ông Nguyễn Phi A được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, đất tại số 138 và số 140 T (bao gồm phần nhà nhà ông Nguyễn Quốc Q và phần nhà ông Nguyễn Quốc vinh xây dựng), có diện tích đất là 111,4m^2 + 203,1m^2, diện tích nhà 141,4m^2 + 85,9m^2. Có tổng giá trị nhà và đất là 22.042.667.000 đồng.

4.3. Ông Nguyễn Văn N (N) và ông Nguyễn Phi A được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Việc phân chia có sơ đồ kèm theo).

5. Nghĩa vụ thối trả:

5.1. Ông Nguyễn Văn N (N) có nghĩa vụ trả cho:

5.1.1. Ông Nguyễn Quốc N số tiền 691.561.056,88 đồng

5.1.2. Ông Nguyễn Phi A số tiền 626.386.056,88 đồng

5.1.3. Ông Nguyễn Quốc Q số tiền 626.386.056,88 đồng

5.1.4. Ông Nguyễn Quốc V số tiền 626.386.056,88 đồng

5.2. Ông Nguyễn Phi A có nghĩa vụ trả cho:

5.2.1. Ông Nguyễn Quốc Q số tiền 1.380.694.681,88 đồng

5.2.2. Ông Nguyễn Quốc V số tiền 1.064.134.681,88 đồng

5.2.3. Ông Nguyễn Quốc N số tiền 935.284.681,88 đồng

6. Buộc các ông bà và các cháu: Nguyễn Quốc N, Lê Thị Cẩm T1, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Quốc Thiện T; Nguyễn Quốc Q, Lê Thị Thanh D, Nguyễn Lê Quốc H, Nguyễn Lê P A; Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Quốc A K, Nguyễn Quốc Gia H phải giao trả nhà, đất cho người hưởng thừa kế được chia bằng hiện vật như trên.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 ông Nguyễn Phi A kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phi A vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phi A.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] - Năm 1970, sau khi chồng là ông Nguyễn Văn T đã chết (năm 1953) cụ Võ Thị S tạo dựng được 01 căn nhà trên diện tích đất khoảng 600m^2 tại số 54

(cũ) đường T, nay là số 136, 138 và 140 đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nhà và đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng xác định thửa đất 136 T có diện tích 247,4m^2 trên đó có 01 căn nhà 75,1m^2 là nhà bà S xây dựng để lại. Thửa đất số 138 T có diện tích 111,4m^2 và thửa đất tại 140 T có diện tích 203,1m^2. Theo chứng thư thẩm định giá, giá trị quyền sử dụng đất toàn bộ khu đất trên là 41.766.394.700 đồng, giá trị phần nhà cũ do bà S để lại là 67.590.000 đồng, tổng cộng là 41.833.984.700 đồng. Về nguồn gốc tài sản nêu trên nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận co nguồn gốc do cụ Võ Thị S tạo dựng. Cụ Võ Thị S có 02 con là ông Nguyễn Văn N và Nguyễn Phi A, cụ Võ Thị S chết ngày 26/01/2012. Bản án sơ thẩm đã xác định đúng diện, hàng thừa kế cũng như tài sản của cụ S để lại là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phi A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Vào năm 1988 cụ S có giấy ủy quyền cho con trai là ông Nguyễn Phi A được quyền quản lý giữ gìn tài sản. Đến ngày 24/4/2003, cụ S tiếp tục lập Văn bản thỏa thuận phân chia nhà đất làm ba phần; trong đó phần nhà, đất 136 T để lại làm nơi thờ cúng không mua, bán, đổi, cho; phần thứ hai ký hiệu là A chia cho ông Nguyễn Văn N và ủy quyền cho con gái ông Nguyễn Văn N là chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng có chiều rộng mặt đường là 6m; phần thứ ba ký hiệu là B được chia cho ông Nguyễn Phi A và ủy quyền cho con ông Phi A là Nguyễn Quốc Q quản lý, sử dụng. Như vậy giấy ủy quyền (Bl 228) và bản thỏa thuận phân chia tài sản (BL 226) nêu trên do cụ S xác lập đều không phải là bản di chúc, hoặc là văn bản tặng cho tài sản mà đó chỉ là bản thỏa thuận cho phép con và cháu của cụ S được sử dụng diện tích đất cụ thể để tránh việc tranh chấp, tại phiên tòa hôm nay các bên dều thừa nhận cụ S khi chết không để lại di chúc. Tại mục 3 của văn bản thỏa thuận cụ S cũng nêu rõ "*Việc lập sổ nghiệp chủ nhà đất do tôi (Võ Thị S) đứng tên, con Nguyễn Phi A phải có trách nhiệm hoàn thành mọi thủ tục"*.Do các văn bản nêu trên không được xác định là di chúc hoặc tặng cho tài sản vì vậy việc chị H đã chuyển nhượng phần đất của mình được sử dụng theo văn bản thỏa thuận cho anh Nguyễn Quốc V với giá 143.000.000 đồng, chị H đã nhận 80.000.000 đồng, còn 63.000.000 đồng thỏa thuận khi nào hai bên ký xong hợp đồng chuyển nhượng sẽ thanh toán là không đúng pháp luật.Bản án sơ thẩm không thừa nhận giao dịch giữa chị H và anh V là đúng pháp luật,đồng thời xác định diện tích đất các bên đã chuyển nhượng

cho nhau là tài sản thừa kế theo pháp luật để phân chia là có căn cứ. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phi A cho rằng " *Đề nghị tòa án xem xét việc mua bán đất của gia đình ông N, khoản tiền đó là do bán đất thừa kế do mẹ tôi để lại. Bởi vì họ đã bán một phần đất thừa kế cho V"* là không có căn cứ chấp nhận, mặt khác giao dịch mua bán đất giữa chị H và anh V là độc lập không liên quan đến ông A nên việc ông A kháng cáo về nội dung trên là không có cơ sở, tại phiên tòa hôm nay anh V cũng thừa nhận anh không kháng cáo bản án. Giao dịch mua bán đất trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm tách ra khi các đương sự có yêu cầu là phù hợp.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Phi A về công sức đóng góp quản lý di sản xét thấy: Đơn kháng cáo của ông A cũng thừa nhận ông N có gửi tiền về để xây dựng sửa chữa nhà cho cụ S ở. Cụ S chết năm 2012 đến năm 2018 các bên có tranh chấp, Bản án sơ thẩm xác định 15% công sức đóng góp cho ông A, anh V anh Q anh Nhật là có căn cứ và phù hợp, do vậy đơn kháng cáo của ông A về nội dung trên cũng không được chấp nhận.

[3] Từ những nội dung viện dẫn tại các mục [1] và [2] nêu trên, xét thấy trong vụ án này là tranh chấp thừa kế liên quan đến 02 anh em trong gia đình, Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tài sản thừa kế cũng như diện hàng thừa kế để phân chia tài sản cho ông N và ông A theo pháp luật thừa kế. Đồng thời khi phân chia có xem xét đến hiện trạng thực tế để phân chia cho ông A diện tích đất mà các con ông A là anh V anh Q đang sử dụng là phù hợp tránh việc cưỡng chế sau này; Vì vậy đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phi A là không có căn cứ chấp nhận.

Án phí: Ông Nguyễn Phi A phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phi A. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ: Điều 638 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 611, 612, 618, 623, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, 165, 166, 227, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N (N) về việc chia thừa kế theo pháp luật:

1. Công nhận một phần nhà 136 T và đất tại 136, 138 và 140 T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế do bà Võ Thị S để lại; Giá trị quyền sử dụng đất toàn bộ khu đất trên là 41.766.394.700 đồng, giá trị phần nhà do bà S để lại là 67.590.000 đồng. Tổng cộng là 41.833.984.700 đồng.

2. Trích công sức bảo quản di sản cho các ông Nguyễn Phi A, Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Quốc N 15% giá trị di sản tương đương số tiền là 6.275.697.705 đồng.

3. Chia di sản cho ông Nguyễn Văn N (N) và ông Nguyễn Phi A mỗi người được nhận có giá trị là: **(41.833.984.700 – 6.275.697.705) : 2 = 17.779.443.497** đồng.

4. Chia di sản bằng hiện vật như sau:

4.1. Chia cho ông Nguyễn Văn N (N) được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, đất (bao gồm cả phần nhà và mái tôn ông Nguyễn Quốc N làm thêm) tại số 136 T có diện tích đất là 247,4m^2, diện tích nhà 75,1m^2 + 44,5m^2, diện tích mái hiên tôn 55m^2. Có tổng giá trị nhà và đất là 20.297.987.600 đồng.

4.2. Chia cho ông Nguyễn Phi A được nhận sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, đất tại số 138 và số 140 T (bao gồm phần nhà nhà ông Nguyễn Quốc Q và phần nhà ông Nguyễn Quốc vinh xây dựng), có diện tích đất là 111,4m^2 + 203,1m^2, diện tích nhà 141,4m^2 + 85,9m^2. Có tổng giá trị nhà và đất là 22.042.667.000 đồng.

4.3. Ông Nguyễn Văn N (N) và ông Nguyễn Phi A được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Việc phân chia có sơ đồ kèm theo).

5. Nghĩa vụ thối trả:

5.1. Ông Nguyễn Văn N (N) có nghĩa vụ trả cho:

5.1.1. Ông Nguyễn Quốc N số tiền 694.811.025 đồng

5.1.2. Ông Nguyễn Phi A số tiền 629.636.025 đồng

5.1.3. Ông Nguyễn Quốc Q số tiền 629.636.025 đồng

5.1.4. Ông Nguyễn Quốc V số tiền 629.636.025 đồng

5.2. Ông Nguyễn Phi A có nghĩa vụ trả cho:

5.2.1. Ông Nguyễn Quốc Q số tiền 1.367.650.900 đồng

5.2.2. Ông Nguyễn Quốc V số tiền 1.051.090.900 đồng

5.2.3. Ông Nguyễn Quốc N số tiền 922.240.900 đồng

6. Buộc các ông bà và các cháu: Nguyễn Quốc N, Lê Thị Cẩm T1, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Quốc Thiện T; Nguyễn Quốc Q, Lê Thị Thanh D, Nguyễn Lê Quốc H, Nguyễn Lê P A; Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Quốc A K, Nguyễn Quốc Gia H phải giao trả nhà, đất cho người hưởng thừa kế được chia bằng hiện vật như trên.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Phi A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002669 ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành Phố Đà Nẵng nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *Cục THADS thành phố Đà Nẵng;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, PHCTP, LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành